

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 15/ COLUSA – MILIKET /2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA-MILIKET
Địa chỉ: 1230 Kha Vạn Cân – Phường Linh Trung – Thành phố Thủ Đức – Thành phố Hồ Chí Minh – Việt Nam.

Điện thoại: (84.28) 37201423 – (84.28) 38966835

Fax: (84.28) 38960013

E – mail: colusa@comifood.com – miliket@comifood.com

Mã số doanh nghiệp: 0304517551

Sản phẩm được sản xuất tại: Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket đã có chứng nhận ISO 22000 – HACCP.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm:

MÌ TRỘN PHÔ MAI HÀN QUỐC VỊ CAY

2. Thành phần:

Vật mìn: Bột mì, shortening, tinh bột khoai tây (100 g/kg), tinh bột khoai mì, muối, chất ổn định (kali carbonat (501(i)), natri dihydro phosphat (339(i)), tetranatri diphosphat (450(iii)), pentanatri triphosphat (451(i)), natri polyphosphat (452(i)), gôm gúa (412)), đường, chất điều vị (mononatri L-glutamat (621)), bột tôm, phẩm màu tự nhiên (curcumin (100(i)), beta – caroten (chiết xuất từ thực vật) (160a(ii))), chất tạo xốp (natri carbonat (500(i))), chất chống oxy hóa (BHT (321)).

Các gói gia vị: Dầu cọ tinh luyện, đường, nước, bột kem không sữa, muối, tương ớt đậm vị, gia vị (tiêu, tỏi, ớt, gừng), bột phô mai (10 g/kg), sữa bột béo tan nhanh, bột ớt Hàn Quốc, chất điều vị (mononatri L-glutamat (621), dinatri 5' - guanylat (627), dinatri 5' - inosinat (631)), chất nhũ hóa (starch acetate (1420)), bột gia vị hương gà, dịch chiết nấm men, đạm thực vật thủy phân từ đậu nành, hương làm đầy kokumi tổng hợp, hương thịt tổng hợp, dầu nành tinh luyện, maltodextrin, ngô rí sấy, tinh dầu ớt, phẩm màu tự nhiên (paprika oleoresin (160c(i))), chất chống đông vón (dioxyd silic vô định hình (551)), chất bảo quản (kali sorbat (202)), chất chống oxy hóa (BHT (321)).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 06 tháng kể từ ngày sản xuất

Ngày sản xuất & Hạn sử dụng in trên nhãn

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói:

- Khối lượng tịnh: 90 g/tô mì hoặc theo yêu cầu của thị trường và ghi rõ trên nhãn.
- Tô mì được đóng vào thùng 12 tô/thùng (hoặc tùy theo yêu cầu của khách hàng).

4.2. Chất liệu bao bì:

- Gia vị được đóng gói bằng màng bao bì OPP/PP, OPP/MCPPP (chất liệu tiếp xúc với sản phẩm là PP), PET/MPET/LLDPE (chất liệu tiếp xúc với sản phẩm là PE).
- Vắt mì được đóng gói bằng màng OPP/PP (chất liệu tiếp xúc với sản phẩm là PP).
- Gói mì và các gói gia vị được đựng trong tô giấy Cupstock 240gsm/PE nắp tô chất liệu PP, thành mì thành phẩm. Tô mì được đóng vào thùng carton (hoặc tùy theo yêu cầu của thị trường).

Bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và không độc hại.

III. Mẫu nhãn sản phẩm:

Nội dung ghi nhãn phù hợp theo Nghị định 43/2017/NĐ-CP và Nghị định sửa đổi, bổ sung 111/2021/NĐ-CP về nhãn hàng hóa, Nghị định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm – Số: 15/2018/NĐ-CP.

Nhãn dự thảo công bố (đính kèm).

MÌ TRỘN PHÔ MAI HÀN QUỐC VỊ CAY

Khối lượng tịnh: 90 g

THÀNH PHẦN

Vắt mì: Bột mì, shortening, tinh bột khoai tây (100 g/kg), tinh bột khoai mì, muối, chất ổn định (kali carbonat (501(i)), natri dihydro phosphat (339(i)), tetranatri diphosphat (450(iii)), pentanatri triphosphat (451(i)), natri polyphosphat (452(i)), gôm gua (412)), đường, chất điều vị (mononatri L-glutamat (621)), bột tôm, phẩm màu tự nhiên (curcumin (100(i)), beta – caroten (chiết xuất từ thực vật) (160a(ii))), chất tạo xốp (natri carbonat (500(i))), chất chống oxy hóa (BHT (321)).

Các gói gia vị: Dầu cọ tinh luyện, đường, nước, bột kem không sữa, muối, tương ớt đậm vị, gia vị (tiêu, tỏi, ớt, gừng), bột phô mai (10 g/kg), sữa bột béo tan nhanh, bột ớt Hàn Quốc, chất điều vị (mononatri L-glutamat (621), dinatri 5' - guanylat (627), dinatri 5' - inosinat (631)), chất nhũ hóa (starch acetate (1420)), bột gia vị hương gà, dịch chiết nấm men, đậm thực vật thủy phân từ đậu nành, hương làm đầy kokumi tổng hợp, hương thịt tổng hợp, dầu nành tinh luyện, maltodextrin, ngò rí sấy, tinh dầu ớt, phẩm màu tự nhiên (paprika oleoresin (160c(i))), chất chống đông vón (dioxyd silic vô định hình (551)), chất bảo quản (kali sorbat (202)), chất chống oxy hóa (BHT (321)).

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Cho vắt mì vào tô, chế vào khoảng 400 ml nước thật sôi, đợi chín tô trong khoảng 4 phút. Chắt nước mì qua các lỗ trên nắp và để lại khoảng 5 ml nước trong tô. Mở nắp, cho các gói gia vị còn lại vào trộn đều là dùng được ngay.

Lưu ý: Cho từ từ gói ớt để điều chỉnh vị cay.

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN

Đề nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất hoặc sản phẩm có mùi mạnh. Nên sử dụng ngay sau khi mở bao bì.

THÔNG TIN CẢNH BÁO

Không dùng sản phẩm hết hạn sử dụng.

Không sử dụng cho người dị ứng với các thành phần trong sản phẩm.

Ngày sản xuất & Hạn sử dụng: Xem dưới đáy tô.

SẢN XUẤT TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA-MILIKET

1230 Kha Vạn Cân, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84.28) 37201423 - (84.28) 38966835

- Fax: (84.28) 38960013

Email: colusa@comifood.com - miliket@comifood.com

- Website: www.comifood.com

3045
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
LIÊN MINH
VIỆT NAM
NGÀY 15/05/2024
THỦ ĐỨC -

IV. Yêu cầu an toàn thực phẩm:

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm QCVN 8-1:2011/BYT.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm QCVN 8-2:2011/BYT.
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30.8.2019 Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư số 17/2023/TT-BYT 25.09.2023 Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.
- Quy định Giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (Ban hành kèm theo QĐ 46/2007/QĐ-BYT ngày 19.12.2007 của Bộ trưởng Bộ y tế).

1. **Chỉ tiêu vi sinh:** Theo Quy định Giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm QĐ 46/2007/QĐ-BYT.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC GIỚI HẠN TỐI ĐA
01	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	10^4
02	Coliforms	CFU/g	10
03	<i>Escherichia Coli</i>	CFU/g	3
04	<i>Staphylococcus Aureus</i>	CFU/g	10
05	<i>Clostridium Perfringens</i>	CFU/g	10
06	<i>Bacillus Cereus</i>	CFU/g	10
07	Tổng số nấm men & nấm mốc	CFU/g	10^2

2. **Giới hạn độc tố vi nấm:** Theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm QCVN 8-1:2011/BYT.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC GIỚI HẠN TỐI ĐA
01	Hàm lượng Aflatoxin B1	$\mu\text{g/kg}$	2,0
02	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1+B2+G1+G2)	$\mu\text{g/kg}$	4,0
03	Hàm lượng Ochratoxin A	$\mu\text{g/kg}$	3,0
04	Hàm lượng Deoxynivalenol	$\mu\text{g/kg}$	750
05	Hàm lượng Zearalenone	$\mu\text{g/kg}$	75

3. **Chỉ tiêu hóa lý:** Tham khảo tiêu chuẩn CODEX STAN 249-2006 - TCVN 7879:2008.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC GIỚI HẠN TỐI ĐA
01	Độ ẩm của vắt mì	%	10
02	Chỉ số axit của vắt mì	mg KOH/g	2,0

4. Giới hạn kim loại nặng: Theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm QCVN 8-2:2011/BYT.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC GIỚI HẠN TỐI ĐA
01	Chì (Pb)	mg/kg	0,2
02	Cadimi (Cd)	mg/kg	0,1

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 4 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Hoàng Ngân





Report N°: 0000412205

Page N° 1/3

Ho Chi Minh City, Date: January 16, 2024

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 16/01/2024

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2401A-0703

Đơn hàng: 2401A-0703

CLIENT'S NAME : COLUSA – MILIKET FOODSTUFF JOINT STOCK COMPANY
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA - MILIKET

CLIENT'S ADDRESS : 1230 KHA VAN CAN STREET, LINH TRUNG WARD, THU DUC CITY, HO CHI MINH
Địa chỉ : CITY
1230 KHA VẠN CÂN, PHƯỜNG LINH TRUNG, TP THỦ ĐỨC, TP HỒ CHÍ MINH

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : MÌ TRỘN PHÔ MAI HÀN QUỐC VỊ CAY
Chú thích của khách hàng

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Food (approx. 0.41kg) in full label plastic boxes
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 0.41kg) chứa trong hộp nhựa nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2401A-0703.002
Mã số mẫu

Date sample(s) received : January 08, 2024
Ngày nhận mẫu : 08/01/2024

Testing period : January 08, 2024 - January 15, 2024
Thời gian thử nghiệm : 08/01/2024 - 15/01/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn





Report N°: 0000412205

Page N° 2/3

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Moisture (105°C) Độ ẩm	TCVN 7879:2008 (CODEX STAN 249:2006)	2.30	0.1	0.32	g/100g	
2. Acid value (on fat basis) Chỉ số axit (trên nền béo)	TCVN 7879:2008 (CODEX STAN 249:2006)	0.37	0.09	0.29	mgKOH/g	
3. Peroxide value (on fat basis) Chỉ số peroxit (trên nền béo)	GB 5009.227-2016	3.79	0.35	1.2	meq/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g or <10 cfu/mL if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g or <1 cfu/mL if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g or <100 cfu/mL for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g or 0 MPN/mL for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g or 1 mL in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g or 0 MPN/0.1mL for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g or 0.1 mL in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
 Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000412205

Page N° 3/3

hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g hoặc <10 cfu/mL nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g hoặc <1 cfu/mL nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g hoặc <100 cfu/mL đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g hoặc 0 MPN/mL với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g hoặc 1 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g hoặc 0 MPN/0.1mL với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g hoặc 0.1 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

- The tests were performed on noodle without its sauce

Phép thử chỉ được thực hiện trên phần mì, không bao gồm sốt

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Signed for and on behalf of

SGS Vietnam LTD

Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam

Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự

Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward, Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000412195

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: January 16, 2024

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 16/01/2024

ANALYSIS REPORT

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2401A-0703

Đơn hàng: 2401A-0703

CLIENT'S NAME : COLUSA – MILIKET FOODSTUFF JOINT STOCK COMPANY
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA - MILIKET

CLIENT'S ADDRESS : 1230 KHA VAN CAN STREET, LINH TRUNG WARD, THU DUC CITY, HO CHI MINH
Địa chỉ : CITY
1230 KHA VẠN CÂN, PHƯỜNG LINH TRUNG, TP THỦ ĐỨC, TP HỒ CHÍ MINH

SAMPLE INFORMATION:

THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : MÌ TRỘN PHÔ MAI HÀN QUỐC VỊ CAY
Chú thích của khách hàng

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Food (approx. 0.95kg) in full label plastic boxes
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 0.95kg) chứa trong hộp nhựa nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2401A-0703.001
Mã số mẫu

Date sample(s) received : January 08, 2024
Ngày nhận mẫu : 08/01/2024

Testing period : January 08, 2024 - January 15, 2024
Thời gian thử nghiệm : 08/01/2024 - 15/01/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn





Report N°: 0000412195

Page N° 2/4

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
1. Moisture (70 °C) <i>Độ ẩm (70°C)</i>	LFOD-TST-SOP-8203	5.24	0.2	0.64	g/100g	
2. Ash <i>Tro</i>	NMKL No.173	4.25	0.02	0.06	g/100g	
3. Crude protein <i>Đạm thô</i>	ISO 1871: 2009	8.30	0.03	0.1	g/100g	N x 6.25
4. Acid insoluble ash <i>Tro không tan trong axít</i>	LFOD-TST-SOP-8244	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	
5. Sodium Chloride NaCl (calculated from chloride) <i>Natri Clorua (tính từ clorua)</i>	LFOD-TST-SOP-8124	3.24	0.007	0.02	g/100g	
6. Total fat <i>Béo tổng</i>	LFOD-TST-SOP-8249 (With acid hydrolysis)	19.27	0.15	0.5	g/100g	
7. Total carbohydrate <i>Cacbonhydrat tổng</i>	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003)	62.94	-	-	g/100g	
8. Ethylene oxide (sum of ethylene oxide and 2-chloroethanol expressed as ethylene oxide) <i>Ethylene oxide (tổng của ethylene oxide và 2-chloroethanol, quy về ethylene oxide)</i>	LFOD-TST-SOP-8609	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	mg/kg	
9. Ethylene oxide <i>Ethylene oxide</i>	LFOD-TST-SOP-8609	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
10. 2-Chloroethanol <i>2-Chloroethanol</i>	LFOD-TST-SOP-8609	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
11. Deoxynivalenol <i>Deoxynivalenol</i>	LFOD-TST-SOP-8456	43	3	10	µg/kg	
12. Zearalenone <i>Zearalenone</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	3	µg/kg	
13. Ochratoxin A <i>Ochratoxin A</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000412195

Page N° 3/4

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
14. Aflatoxin (sum of B1, B2, G1, and G2) <i>Aflatoxin (tổng của B1, B2, G1 và G2)</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
15. Aflatoxin B1 <i>Aflatoxin B1</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
16. Aflatoxin B2 <i>Aflatoxin B2</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
17. Aflatoxin G1 <i>Aflatoxin G1</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
18. Aflatoxin G2 <i>Aflatoxin G2</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
19. Cadmium (Cd) <i>Cadimi</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	-	0.01	mg/kg	
20. Lead (Pb) <i>Chì</i>	AOAC 2013.06	0.024	-	0.01	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao ().*
 - All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.*
 - All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
 - Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
 - Ethylene oxide (sum of ethylene oxide and 2-chloroethanol, expressed as ethylene oxide) = (1.00 x Ethylene oxide) + (0.55 x 2-Chloroethanol).
Ethylene oxide (tổng ethylene oxide và 2-chloroethanol, quy về ethylene oxide) = (1.00 x Ethylene oxide) + (0.55 x 2-Chloroethanol)
 - LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.
- LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000412195

Page N° 4/4

was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g or <10 cfu/mL if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g or <1 cfu/mL if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g or <100 cfu/mL for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g or 0 MPN/mL for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g or 1 mL in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g or 0 MPN/0.1mL for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g or 0.1 mL in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g hoặc <10 cfu/mL nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g hoặc <1 cfu/mL nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g hoặc <100 cfu/mL đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g hoặc 0 MPN/mL với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g hoặc 1 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g hoặc 0 MPN/0.1mL với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g hoặc 0.1 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward, Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000412226

Page N° 1/3

Ho Chi Minh City, Date: January 16, 2024

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 16/01/2024

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2401A-0703

Đơn hàng: 2401A-0703

CLIENT'S NAME : COLUSA – MILIKET FOODSTUFF JOINT STOCK COMPANY
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM COLUSA - MILIKET

CLIENT'S ADDRESS : 1230 KHA VAN CAN STREET, LINH TRUNG WARD, THU DUC CITY, HO CHI MINH
Địa chỉ : CITY
1230 KHA VAN CÂN, PHƯỜNG LINH TRUNG, TP THỦ ĐỨC, TP HỒ CHÍ MINH

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : MÌ TRỘN PHỞ MAI HÀN QUỐC VỊ CAY
Chú thích của khách hàng

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Food (approx. 0.72kg) in full label plastic boxes
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 0.72kg) chứa trong hộp nhựa nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2401A-0703.003
Mã số mẫu

Date sample(s) received : January 08, 2024
Ngày nhận mẫu : 08/01/2024

Testing period : January 08, 2024 - January 15, 2024
Thời gian thử nghiệm : 08/01/2024 - 15/01/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn





Report N°: 0000412226

Page N° 3/3

analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g or <10 cfu/mL if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g or <1 cfu/mL if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g or <100 cfu/mL for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g or 0 MPN/mL for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g or 1 mL in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g or 0 MPN/0.1mL for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g or 0.1 mL in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đồ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g hoặc <10 cfu/mL nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g hoặc <1 cfu/mL nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g hoặc <100 cfu/mL đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g hoặc 0 MPN/mL với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g hoặc 1 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g hoặc 0 MPN/0.1mL với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g hoặc 0.1 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2024-00006841
Mã số kết quả : AR-24-VD-010387-01-VI / EUVNHC-00251126



Công Ty Cổ Phần Lương Thực Thực Phẩm Colusa - Miliket
1230 Kha Vạn Cân, Phường Linh Trung
Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên mẫu : MÌ TRỘN PHỞ MAI HÀN QUỐC VỊ CAY
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong hộp giấy
Ngày nhận mẫu : 16/01/2024
Thời gian thử nghiệm : 17/01/2024 - 20/01/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 23/01/2024
Mã số PO của khách hàng : NA9J2401161793

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	9.3x10 ²

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc mảng Kiểm Nghiệm Thực Phẩm



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 23/01/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 23/01/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Eurofins SKHD trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, Eurofins SKHD không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Eurofins SKHD và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.